

ĐỔI MỚI PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA - ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN - MỘT VẤN ĐỀ CẤP BÁCH TRONG CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI GIÁO DỤC Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

TS. ĐỖ THỊ CHÂU

Bộ môn Tâm lý - giáo dục. ĐHNH - ĐHQG Hà Nội

1. Tính cấp bách của vấn đề đổi mới phương pháp kiểm tra - đánh giá theo qui trình đào tạo mới

1.1. Vai trò - tác dụng của kiểm tra (KT) - đánh giá (ĐG)

KT-ĐG kết quả học tập (KQHT) của sinh viên (SV) là một khâu quan trọng trong quá trình dạy học (DH), nhất là trong điều kiện đào tạo (ĐT) theo học chế tín chỉ (credit) như hiện nay ở Việt Nam. Quá trình KT - ĐG có liên quan chặt chẽ với mục đích, nội dung và phương pháp (PP) DH. Quá trình KT - ĐG là 1 quá trình giáo dục (GD) SV và là nhiệm vụ thường xuyên của nhà trường. Ngoài việc ĐG sự nắm vững kiến thức và kĩ năng của SV, KT-ĐG còn có chức năng chuẩn đoán việc học của SV, chuẩn đoán việc dạy của GV. Từ đó chúng ta dùng KT-ĐG như 1 công cụ để dự báo năng lực học tập của SV trong tương lai bằng cách nghiên cứu sự tương quan và hồi qui của các điểm số học tập của SV; đồng thời qua dự báo năng lực học tập của SV, chúng ta có thể hiệu chỉnh và cải tiến PP GD. Nói tóm lại, KT có 3 chức năng: đánh giá, phát hiện lệch lạc và điều chỉnh, trong đó chức năng ĐG là chủ đạo [9; 24]. Hay nói như *Trần Kiều*, KT-ĐG nhằm 3 mục đích chủ yếu: 1. Xác định mức độ chất lượng, hiệu quả HD của GD-ĐT; 2. Phát hiện sai lệch và điều chỉnh HD nhằm đạt mục tiêu dự kiến; 3. Tạo cơ sở cho những dự đoán phát triển trong tương lai [7; 18].

Mặt khác, với qui mô ĐT ngày càng được mở rộng và hình thức tổ chức ĐT phong phú, đòi hỏi quá trình KT-ĐG phải được tiến hành liên tục, nhanh chóng, khách quan, công bằng và chính xác. Vì vậy, việc KT-ĐG không những phải phản ánh đúng năng lực và mức độ nắm vững kiến thức, kĩ năng của SV mà còn là động lực thúc đẩy động cơ học tập của SV, đồng thời phản ánh đúng quá trình DH của GV.

1.2. Những hạn chế của phương pháp KT-ĐG cũ

Trong nhiều năm trước đây, việc KT-ĐG KQHT của SV không theo những chuẩn mực nhất định, kết quả cho điểm thường có sự chênh lệch khá lớn nên hiệu quả của việc KT-ĐG còn thấp. Điều này có thể giải thích với một số lí do khác nhau như sau: 1. KT-ĐG xuất phát từ yêu cầu của 1 nền GD có tính chất bằng cấp, tuyển lựa .. là nhằm để phân loại, xếp hạng HS từ thấp đến cao; 2. Chương trình và nội dung giảng dạy ở phần lớn các trường đại học và Cao đẳng không được quản lí thống nhất; 3. Trình độ (chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm) của đội ngũ CBGD còn có nhiều hạn chế nên từ việc ra đề KT đến việc tổ chức, ĐG chưa theo một chuẩn mực nhất định và chưa phù hợp với mục tiêu ĐT mà thường mang tính hợp lí theo kinh nghiệm của GV; 4. KT-ĐG chủ yếu được tiến hành theo lối GD truyền thống (tự luận, tức là SV viết thành bài dài để trả lời và trình bày cách trả lời theo ý của mình, không hạn chế số trang và chủ yếu là ghi lại theo trí nhớ - học thuộc lòng chứ chưa đi sâu phân tích, lập luận những ý kiến của người khác theo cách hiểu của riêng mình); 5. Theo "*niên chế*", khối lượng mỗi môn học thường khá lớn nên SV thường có thói quen xin hạn chế nội dung thi, khoanh vùng trọng tâm ở mỗi kì thi nên dẫn đến tình trạng học lệch, học nhồi nhét (thường ngày không học mà đến khi thi mới học cốt có điểm để cho qua chứ thực chất là không nắm vững được yêu cầu ĐT), nên KO thi khó phản ánh đúng trình độ kiến thức của cả môn học, học phần.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - ĐHQGHN
KHOA SAU ĐẠI HỌC
PHÒNG THÔNG TIN - THƯ VIỆN

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - ĐHQGHN
PHÒNG TƯ LIỆU
KHOA SAU ĐẠI HỌC

V-D... 1609

1.3. Phương pháp KT-ĐG là 1 trong 4 nhóm PP DH cơ bản (PP sử dụng thông tin-ngôn ngữ; PP DH trực quan; PP thực hành; PP KT-ĐG) cần được đổi mới ở bậc đại học thì công cuộc đổi mới GD ở nước ta hiện nay mới đồng bộ, toàn diện và đạt được hiệu quả cao, tức là nhằm mục đích góp phần ĐT giáo sinh trở thành những người lao động mới - những người "làm chủ tri thức KH và công nghệ hiện đại, có tư duy sáng tạo, có kỹ năng thực hành giỏi, có tác phong công nghiệp ... là người thừa kế xây dựng CNXH vừa "hồng" vừa "chuyên" (Nghị quyết TƯ của Đảng khoá VIII)).

2. Những lí luận chung về KT-ĐG - cơ sở khoa học của việc đề xuất 1 số ý kiến trong việc đổi mới PP KT-ĐG kết quả học tập của SV

2.1. KT-ĐG là một quá trình gồm 2 giai đoạn (KT và ĐG) có quan hệ chặt chẽ với nhau, tức là KT là để ĐG và ngược lại muốn ĐG được thì phải dựa trên cơ sở của KT.

Trong lí luận DH, KT là giai đoạn kết thúc của một quá trình DH nhằm cung cấp những dữ kiện, thông tin làm cơ sở cho việc ĐG. Có mấy loại KT như: KT thường xuyên; KT định kì; KT tổng kết [6; 15-16].

Đánh giá (theo bảng thuật ngữ đối chiếu Anh Việt) là quá trình hình thành những nhận định, phán đoán về kết quả của công việc, dựa vào sự phân tích những thông tin thu được, đối chiếu với những mục tiêu, tiêu chuẩn đã đề ra, nhằm đề xuất những quyết định thích hợp để cải tiến thực trạng, điều chỉnh, nâng cao chất lượng và hiệu quả công việc [6;5].

Theo các tác giả phương Tây như: *Tylor, Croubach, Akin, Stake, Scriven*, thì "ĐG, trong bối cảnh GD, có thể định nghĩa như 1 quá trình được tiến hành có hệ thống để xác định mức độ đạt được của HS về các mục tiêu của đào tạo. Nó bao gồm những sự mô tả (liệt kê) về mặt định tính hay định lượng những hành vi (hoạt động) của người học cùng với sự nhận xét, đánh giá những hành vi này đối chiếu với sự mong muốn đạt được về mặt hành vi đó" [3; 9].

Theo *Deketele* (Bỉ) thì đánh giá là xem xét mức độ phù hợp giữa một tập hợp thông tin có giá trị, thích hợp và đáng tin cậy với mục tiêu đề ra để so sánh, đánh giá nhằm đưa ra một quyết định [2; 61].

Theo *Nguyễn Đình Chính*, ĐG là quá trình thu thập thông tin, mà những thông tin này được sử dụng nhằm đi tới những phán đoán, xác định về mặt giá trị (số lượng và đặc biệt là chất lượng) từ đó làm cơ sở cho việc ra quyết định có liên quan [2; 61].

Theo *Trần Kiều*, KT-ĐG là khâu cuối cùng, song cũng có thể xem là bước khởi đầu cho chu trình tiếp theo với chất lượng mới hơn của cả 1 quá trình. ĐG là hoạt động nhằm rút ra những phán đoán về giá trị đạt được và những quyết định cần thiết trên cơ sở thông tin và số liệu thu được. Do đó, ĐG không chỉ nhằm mục đích phân loại, sàng lọc, cũng không chỉ nhằm phát hiện kết quả của 1 quá trình mà còn phải tìm ra được các nguyên nhân đa dạng của 1 thực trạng nào đó

Như vậy, ĐG không đơn thuần là sự ghi nhận thực trạng mà còn là đề xuất những quyết định làm thay đổi thực trạng. Vì thế, ĐG được xem như là một khâu rất quan trọng đan xen với các khâu lập kế hoạch và triển khai công việc [6; 5], [7; 18].

2.2. Theo quan điểm của *Trần Kiều* thì ĐG có 2 loại: ĐG trong (internal evaluation) và ĐG ngoài (external evaluation). Trong quá trình DH, việc ĐG của chính GV đối với HS của mình là ĐG trong. ĐG trong chủ yếu được thực hiện thông qua việc KT, nhận xét khi tiến hành quá trình DH. Mục đích là giúp GV điều chỉnh nội dung, PP giảng dạy cho phù hợp với các nhóm đối tượng, giúp HS tự thấy được KQHT hoặc thiếu sót trong việc tiếp thu tri thức, phát triển kỹ năng hoặc xây dựng các thái độ cần thiết. Hạn chế của ĐG trong là chất lượng đạt được của từng HS lại được ĐG từ nhiều GV khác nhau, do đó có thể bị chi phối bởi những quan điểm, chuẩn mực khác nhau, những cá tính và thậm chí những mối quan hệ riêng khác nhau. Còn ĐG ngoài là khi GV không ĐG HS của mình.

Hai quá trình DH và KT độc lập với nhau. Việc KT, ĐG, thi cử được thực hiện bởi một tổ chức chuyên trách (như Trung tâm khảo thí: ra đề thi, chấm, ĐG, lên điểm, ... Tất cả các công việc này được tiến hành cẩn trọng và bí mật). Nhược điểm chính của loại ĐG ngoài là thiếu thông tin phản hồi đến cả SV và GV [7; 18].

Theo quan điểm của *Trang Thị Lân* thì cũng có 2 loại ĐG như sau: *Một*, ĐG mang tính đào tạo là sự ĐG thường xuyên, nhằm giúp cho HS tự KT mình (liên hệ ngược trong) để rồi tự điều chỉnh kế hoạch tự học. Nó còn mang tính chuẩn đoán (tìm ra nguyên nhân của sự tiến bộ, lệch lạc, dự đoán xu thế tiến triển, tìm biện pháp xử lý để tiến lên trong học tập); *Hai*, ĐG xác nhận (diễn ra không thường xuyên) dùng để xác định trình độ đạt tới trong học tập sau một giai đoạn ĐT, có tác dụng làm cơ sở cho những quyết định pháp lý đối với HS về việc cho lên lớp, công nhận tốt nghiệp, xác nhận đạt yêu cầu về 1 môn học. Nó còn có chức năng ngăn trở những HS không đạt yêu cầu, không được hành nghề trong XH [9; 24].

Theo quan điểm của các nhà TLH Liên Xô (cũ) thì KT-ĐG có 2 loại cơ bản: KT (là HĐ của GV) và tự kiểm tra (TKT) (là HĐ của bản thân HS). Tương ứng có ĐG bên ngoài (ĐG của GV) và ĐG bên trong (HS tự ĐG).

TKT trong hoạt động học tập là kết quả của sự đối chiếu việc thực hiện hành động với đồ vật, với các điều kiện cụ thể của việc thực hiện hành động đó và với kết quả mong đợi. Theo *K.A.Mitrurina* (1971) thì sơ đồ cấu trúc của sự TKT là: 1- Tiêu chuẩn - cái được lưu giữ bên trong của hệ thống; 2- Quá trình so sánh, đối chiếu hành động đã được thực hiện với chuẩn; 3- Tiếp nhận quyết định về sự phù hợp (hay không phù hợp) của hành động đã được thực hiện với chuẩn; 4- Phản ứng như là sự thực hiện quyết định - cái đã được tiếp nhận (quyết định về sự phù hợp thì sẽ làm cho kiến thức được củng cố thêm, quyết định về sự không phù hợp thì sẽ dẫn đến sự sửa lỗi).

Việc KT-ĐG của GV (KT-ĐG bên ngoài) có quan hệ chặt chẽ với việc tự KT-ĐG của SV (KT-ĐG bên trong). Nên cả 2 loại KT-ĐG này đều phải được coi trọng như nhau trong quá trình ĐT. Đó là một trong những nội dung của việc biến quá trình ĐT thành quá trình tự ĐT trong các trường ĐH hiện nay.

2.3. Việc KT-ĐG được coi là có tính khách quan khi nó đảm bảo được các nguyên tắc chung của DH như: tính toàn diện, tính liên tục, tính phát triển, tính khách quan, ... và các nguyên tắc cụ thể của việc KT-ĐG.

Theo *Ramsden* (1992) thì để ĐG tốt trong DH ở ĐH cần tuân thủ 13 nguyên tắc sau: 1. Gắn việc ĐG với học tập (ĐG việc học của SV, sau đó ĐG những nỗ lực vượt khó của họ cuối cùng mới cho điểm, xếp thứ bậc); 2. ĐG bao giờ cũng gắn với nhận xét để SV biết cách làm thế nào, để họ có thể tiến bộ hơn; 3. Phải hiểu những sai lầm cơ bản của SV trong khi làm bài để rồi tìm ra nguyên nhân sai lầm mà thay đổi cách dạy; 4. Khi KT, nên triển khai 1 loạt các PP KT khác nhau; 5. Lôi kéo SV tham gia vào quá trình ĐG thông qua việc thảo luận các PP thích hợp về mối quan hệ giữa các PP đó với mục tiêu ĐT; 6. GV thường xuyên thông báo cho SV các câu hỏi dùng để KT-ĐG để giúp SV có ý niệm trước và có một cái nhìn tổng quát hơn khi học; 7. GV phải có những dự kiến trước về đáp án của SV đối với những câu hỏi phải trả lời; 8. Phải thận trọng khi xây dựng và dùng câu hỏi khách quan như loại câu hỏi có nhiều lựa chọn để KT; 9. Trong các câu hỏi chỉ đòi hỏi cần xử lý về mặt định lượng, bao giờ cũng nên đưa các câu hỏi đòi hỏi giải thích bằng lời để làm rõ thêm nhận thức của SV; 10. Câu hỏi phải chú ý đến việc KT độ giá trị rồi mới đến độ tin cậy. Tránh KT những điều không bản chất; 11. Khi KT-ĐG dùng làm cho SV lo sợ mà phải lôi kéo, tạo hứng thú cho họ vào cuộc; 12. Đùng ra những câu hỏi mà ngay cả GV cũng không thể sẵn sàng trả lời được; 13. Không nên quá tin vào tính khách quan và độ chính xác của mọi sự ĐG về năng lực của SV mà xem sự phán xét con người là yếu tố quan trọng nhất trong mọi chỉ số về sự đạt được [2; 10].

2.4. Để KT-ĐG KQHT của SV được khách quan thì ngoài việc tuân thủ các nguyên tắc nêu trên còn cần phải có tiêu chuẩn ĐG.

Theo *V.P.Bexpanco*, tiêu chuẩn ĐG là đơn vị đo khách quan một hiện tượng đang được nhận thức. Việc xác định tiêu chuẩn ĐG là một vấn đề phức tạp và trừu tượng. Căn cứ vào đâu để xác định trình độ kiến thức của SV trong quá trình học tập? Hiện nay về vấn đề này vẫn còn chưa được thống nhất. Nhưng theo quan điểm chung đã được nhiều nhà TL và GD thừa nhận là có 3 mức độ để phân biệt kiến thức của SV như sau: 1. Đơn thuần tái hiện kiến thức: chỉ nhớ lại tài liệu mà không có sự sắp đặt lại theo yêu cầu của câu hỏi, không thay đổi trình tự trình bày (chứng tỏ ít hiểu, nặng về học thuộc lòng). Điều đó chứng tỏ chưa có ý thức hiểu đúng câu hỏi và trả lời câu hỏi; 2. Nhớ lại và vận dụng kiến thức. Ở trình độ này SV biết sắp xếp lại kiến thức chút ít tùy theo yêu cầu đề ra, có ý thức tìm hiểu và trả lời câu hỏi; 3. Nhớ lại và vận dụng sáng tạo. Ở đây SV đã tự mình biết lựa chọn và trình bày kiến thức theo yêu cầu của câu hỏi, tức là biết vận dụng những kiến thức của các bài trước, chương trước, các vấn đề đã học có liên quan để giải quyết những vấn đề nêu ra rồi từ đó tự mình rút ra những kết luận sâu sắc hay khẳng định những kết luận đã đặt ra một cách có cơ sở khoa học.

Và mục đích của GD đại học là hình thành cho được ở SV những kiến thức ở mức độ thứ ba, tức là phải có năng lực vận dụng một cách sáng tạo những kiến thức thu được từ những bài học cụ thể. Tất nhiên đối với việc KT-ĐG ở các giai đoạn DH khác nhau thì khác nhau.

Chẳng hạn, đối với các lần KT sau mỗi 1 học trình thì yêu cầu chủ yếu và tối thiểu là SV phải nắm được các vấn đề cơ bản nhất của học trình đó (như khái niệm, đặc điểm, tính chất của vấn đề được nghiên cứu) để có thể tiếp thu được những kiến thức ở những học trình sau nên hình thức KT có thể là KT miệng hay bài viết 15 phút với những câu hỏi ngắn gọn. Nhưng khi KT hết học phần thì ngoài yêu cầu nắm được những kiến thức cơ bản của tất cả các học trình trong từng học phần mà còn đòi hỏi SV phải biết vận dụng sáng tạo những kiến thức cơ bản đó để giải quyết những bài tập thực hành mang tính chất tổng hợp và khái quát. Hình thức KT ở giai đoạn này có thể là KT viết từ 45 phút trở lên hay bài luận, niên luận ... với những câu hỏi khác nhau có tính chất vừa học thuộc vừa vận dụng. Trong đó những câu hỏi mang tính chất vận dụng được ĐG cao. Bởi vì nhiệm vụ chủ yếu của nhà trường ĐH không phải là trang bị cho SV những vốn tri thức đầy đủ và có sẵn mà là hình thành những nhân cách sáng tạo có khả năng tự mình vận dụng trên cơ sở những kiến thức đã học để giải quyết những nhiệm vụ phức tạp của cuộc sống.

Theo quan điểm của các nhà GD thì việc ĐG KQHT bộ môn phải được ĐG dựa trên KQ thi hết học phần và KQ của quá trình HT. KQHT trung bình là trung bình cộng của hai KQ trên. KQ của quá trình được ĐG thông qua sản phẩm của quá trình HT như: đề cương xemina, KT định kỳ, phiếu điều tra, hồ sơ tìm hiểu cá nhân...

3. Xu thế phát triển của trắc nghiệm để KT-ĐG trong quá trình ĐT

Trong những năm gần đây, ở một số trường ĐH ở 1 số bộ môn đã có nhiều đổi mới trong việc KT-ĐG KQHT. Đó là việc áp dụng PP trắc nghiệm (TN).

Vậy, TN là gì? TN trong GD là 1 PP đo để thăm dò một số đặc điểm năng lực trí tuệ HS hoặc để KT-ĐG 1 số kiến thức kỹ năng, kỹ xảo, thái độ của HS.

Ưu điểm của TN trong KT-ĐG là trong 1 thời gian ngắn có thể KT được nhiều kiến thức đối với nhiều HS; tiết kiệm được thời gian và công sức chấm bài của GV; việc tính điểm rõ ràng, cụ thể nên thể hiện sự khách quan, minh bạch; có thể chấm bài bằng máy tính, góp phần vào việc công nghệ hoá việc DH. Bên cạnh đó còn có 1 số nhược điểm như: không KT được ngôn ngữ nói và viết của HS; không KT được kỹ năng thí nghiệm, thực hành; HS dễ qua cốp (nhất là đối với TNKQ). Tuy vậy, các nhược điểm

này cũng có cách khắc phục bằng nhiều biện pháp khác nhau như kết hợp với nhiều PP KT-ĐG, với nhiều loại câu hỏi và với nhiều hình thức tổ chức khác nhau của TN.

Theo *Trần Bá Hoàn* thì có 4 loại TN cơ bản: TN khách quan (là loại TN mà trong đó có câu hỏi có kèm theo những câu trả lời sẵn); TN chủ quan (là loại dùng những câu hỏi mở (câu hỏi tự luận) đòi hỏi HS tự xây dựng câu trả lời (có thể là 1 đoạn văn ngắn, 1 tóm tắt, 1 bài diễn giải, 1 tiểu luận); TN chuẩn hoá và TN do GV thiết kế [6; 36].

Theo *Nguyễn Đình Chính và Lưu Xuân Mới* thì TN có: 1. TN quan sát; 2. TN viết (trả lời ngắn và trả lời dài); 3. TN vấn đáp. Trong TN viết bằng trả lời ngắn có: 1. Đúng sai; 2. Điền khuyết; 3. Ghép nối; 4. Nhiều lựa chọn; 5. Diễn giải. Còn trong TN viết ở dạng trả lời dài (tự luận) có: 1. Tiểu luận; 2. Tự diễn đạt; 3. Tóm tắt; 4. Đoạn văn [3; 48], [10; 14].

Tiêu chí để phân loại các kiến thức và kỹ năng mà HS lĩnh hội được trong quá trình ĐT thì có nhiều song việc phân loại được nhiều người sử dụng là phân loại theo *B.S.Bloom* (1971) gồm 6 nhóm: các kiến thức về BIẾT (Knowledge), HIỂU (comprehension), các kỹ năng ÁP DỤNG (application), PHÂN TÍCH (analysis), TỔNG HỢP (synthesis) và ĐÁNH GIÁ (evaluation) [4; 11], [9; 24].

4. Một số gợi ý về việc đổi mới PP KT-ĐG theo nhằm nâng cao hiệu quả ĐT

Xuất phát từ cơ sở lý luận và tình hình thực tế hiện nay trong việc KT-ĐG KQHT của SV ở các trường ĐH nói chung và trường ĐHNH - ĐHQG HN nói riêng chúng tôi thấy để việc KT-ĐG đạt được kết quả cao và phù hợp với yêu cầu ĐT cần phải có một số điều kiện như sau:

- + Cần xây dựng được những mục tiêu ĐT nói chung và mục tiêu cụ thể của từng bộ môn nói riêng. Vì KT-ĐG gắn chặt với mục tiêu ĐT;

- + Việc KT-ĐG KQHT của SV phải khách quan, chính xác, ngăn chặn mọi biểu hiện thiếu trung thực trong KT-ĐG, đồng thời tránh cách ĐG chung chung. Việc ĐG phải sát với hoàn cảnh, điều kiện dạy và học, tránh những nhận định chủ quan áp đặt, thiếu căn cứ;

- + Việc KT-ĐG kiến thức phải đảm bảo tính toàn diện. Một bài KT-ĐG có thể nhằm vào vài mục đích trọng tâm nào đó, nhưng trong toàn bộ hệ thống KT-ĐG phải đạt được yêu cầu ĐG toàn diện, không chỉ về mặt kiến thức mà cả về kỹ năng, thái độ, tư duy ... của SV;

- + Việc KT-ĐG phải được tiến hành theo qui trình chặt chẽ, bao gồm: 1. Xác định nội dung KT, thi; 2. Chọn hình thức KT, thi thích hợp; 3. xây dựng đề KT, thi; 4. Chọn PP chấm và biểu điểm; 5. Chấm bài KT, thi; 6. Phân tích, thống kê số liệu kết quả KT, thi; 7. Công khai kết quả KT, thi; 8. ĐG chất lượng và kịp thời đề ra các biện pháp bổ sung kiến thức.

- + Cần kết hợp các PP KT-ĐG truyền thống với PP sử dụng TN để tận dụng được những ưu điểm và khắc phục những hạn chế của từng PP KT-ĐG;

- + Tùy theo từng môn học, học phần, cần đa dạng hoá hình thức KT-ĐG như: tiểu luận, các câu hỏi khách quan, vấn đáp, thực hành;

- + Trong thực tế mỗi môn học, học phần bao gồm nhiều nội dung, mỗi nội dung đều có những yêu cầu cụ thể về nhận thức và thực hành với các mức độ như biết, hiểu, phân tích, tổng hợp, phê phán, ứng dụng kỹ năng thực hành. Những yêu cầu này cần phải được thể hiện cụ thể bằng những trọng số cho từng nội dung bài;

- + Cần phải chú trọng KT thường xuyên nhằm vào các mục đích: 1. KT trước khi học bài mới (nhằm dự đoán); 2. KT trong quá trình tiếp thu tri thức mới (nhằm điều chỉnh HĐ dạy và học); 3. KT kết thúc giảng dạy (1 bài, 1 học trình, 1 học phần) nhằm

chuẩn đoán những khó khăn trong học tập của SV; Mỗi môn học, học phần cần xây dựng được 1 ngân hàng câu hỏi KT-ĐG;

+ Cần coi trọng và thể chế hoá dần các hình thức tự KT - TĐG của SV về tất cả các mặt (năng lực, kiến thức, thái độ) - một yêu cầu quan trọng của việc đổi mới PP KT-ĐG KQHT của SV nói riêng và chất lượng ĐT nói chung, nhằm quán triệt tư tưởng "tích cực của cá nhân trong hoạt động giữ vai trò quyết định trực tiếp tới sự hình thành và phát triển nhân cách"

Như vậy, KT-ĐG KQHT của SV được xem như là 1 PP cơ bản của quá trình DH nhằm góp phần thúc đẩy quá trình hình thành và phát triển nhân cách toàn diện của sinh viên. Với sự đánh giá ta có thể xác định được kết quả học tập và cách biểu hiện hành vi của từng sinh viên, và việc thực hiện mục tiêu đào tạo.

Tài liệu tham khảo

1. **Đỗ Thị Châu.** Một số vấn đề KT-ĐG tri thức của sinh viên ĐHSPNN trong quá trình nghiên cứu môn TLH. Tạp chí ĐH và GDCN, số 12, năm 1993, tr. 24-26.
2. **Nguyễn Đình Chính.** Vấn đề đặt câu hỏi của giáo viên đứng lớp. Kiểm tra, đánh giá việc học tập của học sinh. Hà nội, 1995.
3. **Nguyễn Đình Chính.** Đổi mới phương pháp kiểm tra, đánh giá trong các trường sư phạm - một yêu cầu cấp bách. T/c ĐH và GDCN, Số 7/1997, tr. 9-11.
4. **Công Dương** và nhiều tác giả khác. Khả năng ứng dụng kỹ thuật TEST ở bậc đại học nước ta. Tạp chí ĐH và GDCN, số 5, năm 1994, tr. 11-12.
5. **Trần Minh Hằng.** Cải tiến việc kiểm tra đánh giá nhằm nâng cao chất lượng dạy và học ở trường sư phạm. T/c Nghiên cứu giáo dục, số 6/1998, tr. 26-27.
6. **Trần Bá Hoàn.** Đánh giá trong giáo dục. NXB Giáo dục, Hà nội, 1995.
7. **Trần Kiều.** Đổi mới đánh giá - đòi hỏi bức thiết của đổi mới phương pháp dạy học. T/c nghiên cứu giáo dục, số 11/1995, tr. 18 và 26.
8. **Viết Khuyết.** Kiểm tra đánh giá quá trình học tập của sinh viên theo qui trình đào tạo mới. Tạp chí ĐH và GDCH, số 2, năm 1993, tr. 19-20.
9. **Trang Thị Lân.** Về việc KT-ĐG kết quả học tập của HS. T/c NCGD, số 5/1998.
10. **Lưu Xuân Mới.** TN với việc cải tiến PP ĐG thành quả HT. T/c PC GD, số 3/1997.